

Chống bán phá giá của Mỹ và những ảnh hưởng đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

NGUYỄN CẨM NHUNG

Bài viết phân tích các vấn đề chống bán phá giá của Mỹ và những ảnh hưởng đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; đề xuất một số giải pháp giúp các doanh nghiệp lường trước những tác động bất lợi khi xuất khẩu vào thị trường này.

Từ khóa: chống bán phá giá, hàng hóa xuất khẩu, phòng vệ thương mại Mỹ, Việt Nam.

1. Khái quát chung về biện pháp chống bán phá giá của Mỹ

Biện pháp chống bán phá giá (CBPG) trong thương mại quốc tế là một hiện tượng xảy ra khi một hàng hóa của nước này được xuất khẩu vào một nước khác với mức giá xuất khẩu thấp hơn giá thông thường của hàng hóa tương tự tại nước xuất khẩu (Knetter và Prusa, 2003). Hành vi bán phá giá (BPG) xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chủ yếu là nhằm đạt được các mục tiêu trong kinh doanh, gây một số tác động đến cả nước xuất khẩu và nhập khẩu. Hành vi BPG có thể bị trừng phạt bằng các biện pháp phòng vệ thương mại của chính phủ nước nhập khẩu, được gọi là biện pháp CBPG. Xu hướng sử dụng biện pháp CBPG thể hiện trong chính sách CBPG của mỗi quốc gia. Nhìn chung, chính sách CBPG có vai trò đặc biệt quan trọng đối với bảo hộ sản xuất trong nước và hạn chế nhập khẩu. áp dụng CBPG là đòi hỏi khách quan của quá trình toàn cầu hóa, là xu thế chung của các nước và cũng là nhu cầu thực tế mà mỗi nước áp dụng để bảo vệ ngành sản xuất của mình.

Biện pháp CBPG nói riêng và các biện pháp phòng vệ thương mại nói chung của Mỹ là hạn chế cạnh tranh của các nhà xuất khẩu nước ngoài trên thị trường Mỹ (ở các mức độ khác nhau tùy thuộc từng biện pháp) nhằm bảo vệ các nhà sản xuất trong nước. Trong giai đoạn 2000 - 2015, Mỹ đã tiến hành 453 vụ điều tra CBPG (trên tổng số 589 vụ điều tra CBPG và thuế đối kháng, tức tỷ lệ sử

dụng công cụ CBPG lên tới 76,9%).¹ Tổng số vụ điều tra CBPG của WTO là 3.869 vụ, tức số vụ điều tra CBPG của riêng nước Mỹ chiếm tới 11,7% tổng số vụ điều tra của tổ chức này. Như vậy, trên cả phương diện chính sách và thực tế, Mỹ là một trong những nước đi đầu trong việc sử dụng biện pháp CBPG đối với hàng nhập khẩu để bảo hộ sản xuất trong nước. Chính sách CBPG của Mỹ được thực thi thông qua hệ thống luật pháp, quy định về CBPG và các cơ quan hành pháp của Chính phủ.

- Hệ thống pháp luật và cơ quan thực thi CBPG của Mỹ

Do theo đuổi chính sách CBPG bảo hộ triệt để, Mỹ thiết lập một hệ thống pháp luật và các cơ quan thực thi chặt chẽ. Luật CBPG đầu tiên của Mỹ nằm trong hai điều khoản 800 - 801 của Luật thuế Revenue Act of 1916, đưa ra các điều khoản để ngăn cản hành vi BPG với điều kiện hành vi đó nhằm mục đích thực hiện loại bỏ hay gây tổn hại cho một ngành sản xuất của Mỹ, hay để ngăn chặn sự ra đời của ngành sản xuất. Tuy nhiên trong thực tế, vấn đề "mục đích" này rất khó chứng minh nên từ này không được dùng trong Đạo luật Chống bán phá giá ban hành năm 1921.

Nguyễn Cẩm Nhung, PGS. TS., Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. <http://econ.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/EXTDEC/EXTRESEARCH/EXTPROGRAMS/EXTTRADERESEARCH/0,,contentMDK:22571408~pagePK:64168182~piPK:64168060~theSitePK:544849,00.html>, (truy cập ngày 18-9-2016).

Các cơ quan có thẩm quyền trực tiếp điều tra và áp dụng biện pháp CBPG, bao gồm:

+ Bộ Thương mại Mỹ (Department of Commerce - DOC): đây là cơ quan hành chính, có trách nhiệm điều tra và kết luận về việc BPG; ban hành lệnh áp dụng các biện pháp phòng vệ tạm thời và chính thức; rà soát hành chính hàng năm; rà soát do thay đổi hoàn cảnh (nhập khẩu ô ạt); rà soát cuối kỳ.

+ Ủy ban Thương mại quốc tế Mỹ (International Trade Commission - ITC): đây là cơ quan hoạt động độc lập với đảng phái, nghị viện, chính phủ, chỉ tuân thủ pháp luật. ITC chịu trách nhiệm điều tra thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và phá giá; tham gia vào quá trình điều tra thiệt hại theo trình tự thủ tục và soát do thay đổi hoàn cảnh.

Các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quá trình điều tra và áp dụng biện pháp CBPG, bao gồm:

+ Cơ quan Hải quan Mỹ (US Customs Service): là cơ quan thực thi các biện pháp phòng vệ theo quyết định của DOC.

+ Tòa án Thương mại quốc tế Mỹ (US Court of International Trade - CIT): là cơ quan tư pháp, độc lập với các cơ quan khác trong hệ thống các cơ quan hành pháp, có trách nhiệm xét xử đơn kháng kiện của các bên liên quan đến vụ việc phòng vệ thương mại.

+ Văn phòng Đại diện thương mại Mỹ (The Office of the US Trade Representative - USTR): là cơ quan thuộc Chính phủ Mỹ, có trách nhiệm tham gia đàm phán các hiệp định thương mại, đại diện Chính phủ Mỹ tham gia vào các tranh chấp theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Theo quy định, luật pháp còn cho phép các ngành công nghiệp của Mỹ được nộp đơn khiếu nại về hoạt động BPG ở nước thứ ba. Ngành công nghiệp của Mỹ có thể đệ trình một đơn khiếu nại, trong đó phải giải thích tại sao việc BPG lại gây thiệt hại cho các công ty

của Mỹ lên văn phòng đại diện Thương mại Mỹ, yêu cầu cơ quan này bảo vệ những quyền lợi của họ theo quy định của WTO. Nếu đại diện Thương mại Mỹ xác định là có đủ cơ sở để điều tra, họ sẽ đưa yêu cầu lên các cơ quan có thẩm quyền ở nước thứ ba yêu cầu họ phải thay Mỹ tiến hành việc CBPG.

Hệ thống cơ quan điều tra và áp dụng biện pháp CBPG của Mỹ là một hệ thống được tổ chức quy mô lớn và chặt chẽ. Từng nội dung liên quan đến CBPG được trao cho các đơn vị chuyên trách để đảm bảo tính khoa học và năng lực thực thi. Tại DOC, các vấn đề pháp lý do Phòng Pháp chế và hợp tác chính phủ phụ trách, các dữ liệu nhập khẩu, thông tin liên quan đến mặt hàng nhập khẩu cụ thể do Phòng Quản lý nhập khẩu phụ trách. Các vấn đề liên quan đến sản xuất ngành hàng điều tra sẽ do Phòng Sản xuất và dịch vụ thực hiện. Với ba bộ phận như vậy, DOC sẽ có đủ năng lực điều tra các yếu tố trong công thức tính biên độ phá giá là giá xuất khẩu và giá thông thương.

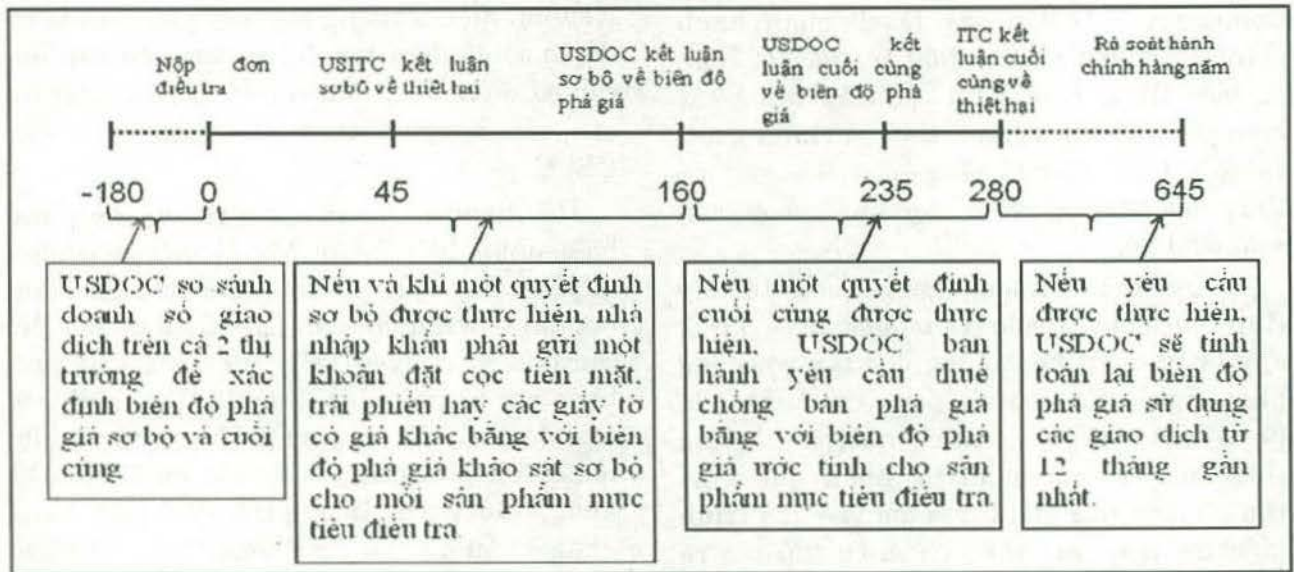
Điều tra thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa BPG và thiệt hại luôn là một điều tra khó khăn và khó xác định một cách chính xác, vì có hàng ngàn yếu tố kinh tế có thể ảnh hưởng đến thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Do đó, việc điều tra thiệt hại và mối quan hệ nhân quả của ITC do rất nhiều bộ phận chức năng đảm nhiệm, bao gồm các phòng điều tra, phụ trách ngành sản xuất trong nước điều tra các dữ liệu cụ thể và bộ phận phòng kinh tế sẽ tính toán dựa trên các lý thuyết và mô hình kinh tế.

Có thể nói, tổ chức các cơ quan thực thi CBPG của Mỹ là một mô hình điển hình đảm bảo năng lực thực thi pháp luật một cách có hiệu quả. Điều này cũng cho thấy tầm quan trọng của chính sách CBPG trong chính sách thương mại của Mỹ cũng như tính chất bảo hộ triệt để của Mỹ cho nền sản xuất trong nước.

Chống bán phá giá ...

- Các giai đoạn và thời hạn cơ bản của một vụ điều tra CBPG

HÌNH 1: Trình tự các sự kiện trong điều tra chống bán phá giá của Mỹ
(Đơn vị: ngày)



Nguồn: USITC.

Có thể nói, kết luận cuối cùng của ITC có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là về thời điểm tính thuế. Cụ thể, nếu kết luận cuối cùng của ITC là phủ định thì vụ việc chấm dứt, thuế đã thu phải hoàn lại cho bị đơn. Nếu kết luận cuối cùng của ITC là khẳng định thì thời điểm kết luận cuối cùng của ITC được đăng trên Công báo Liên bang, cũng đồng thời là thời điểm thuế CBPG chính thức có hiệu lực. Nói cách khác các mức thuế áp dụng từ ngày này trở về sau sẽ là biên độ phá giá trong kết luận cuối cùng của DOC. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là mức thuế tạm tính cho thời gian sau, còn thuế chính thức sẽ được xác định khi rà soát hàng năm.

Đối với rà soát hành chính hàng năm, Mỹ áp dụng phương pháp hồi tố trong việc áp dụng biện pháp CBPG. Điều này có nghĩa là các mức thuế được nêu trong Lệnh áp thuế CBPG chỉ là tạm thời, được sử dụng làm căn cứ để tính mức ký quỹ cho các lô hàng nhập khẩu liên quan sau thời điểm có lệnh áp thuế và mức thuế chính thức sẽ được xác định bởi quá trình rà soát hành chính thực hiện mỗi năm sau đó. Vì thế là quá trình tính toán biên độ phá giá thực tế trong năm để xác định mức thuế chính thức

của năm đó. Kết quả rà soát hành chính sẽ là mức thuế chính thức cho năm liền trước rà soát (hải quan sẽ thực hiện việc hoàn thuế nếu mức thuế chính thức thấp hơn mức thuế tạm thu ký quỹ trước đó, hoặc truy thu thuế bổ sung nếu mức thuế chính thức cao hơn mức thuế tạm thu ký quỹ). Kết quả này cũng là mức thuế tạm thời áp dụng cho năm liền sau rà soát này. Các rà soát hành chính cứ tiến hành như vậy cho đến khi lệnh áp thuế được áp dụng hết 5 năm (khi đó thay vì rà soát hành chính, DOC và ITC sẽ tiến hành rà soát cuối kỳ, thường được biết đến dưới tên "rà soát hoàng hôn" (sunset review). Thủ tục rà soát hành chính gần giống với điều tra ban đầu về phá giá. Rà soát hành chính chỉ là điều tra về biên độ phá giá, không bao gồm điều tra về thiệt hại như trong điều tra ban đầu.

Theo quy định của pháp luật Mỹ từ năm 1994 (sửa đổi theo ADA của WTO), một lệnh áp thuế CBPG hay thỏa thuận đình chỉ sẽ không còn hiệu lực sau 5 năm kể từ ngày có lệnh áp thuế nếu cơ quan có thẩm quyền không tiến hành rà soát hoàng hôn. Biện pháp CBPG (dưới dạng thuế hoặc thỏa thuận đình chỉ) có hiệu lực ban đầu là 5 năm; kết thúc giai

đoạn này, DOC và ITC sẽ tiến hành rà soát cuối kỳ (rà soát hoàng hôn) để xem xét có tiếp tục lệnh áp thuế thêm 5 năm nữa hay chấm dứt thuế. Nếu cả DOC và ITC sau quá trình rà soát hoàng hôn mà đi đến kết luận rằng việc chấm dứt biện pháp CBPG sẽ dẫn tới hiện tượng tiếp diễn hoặc tái diễn tình trạng phá giá và thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa Mỹ, thì biện pháp CBPG sẽ tiếp tục có hiệu lực thêm 5 năm nữa (và sau 5 năm đó quy trình rà soát hoàng hôn này sẽ lặp lại tương tự). Toàn bộ quá trình rà soát hoàng hôn này kéo dài khoảng 1 năm. Trên thực tế không nhiều biện pháp CBPG được chấm dứt sau 5 năm. Nói cách khác khả năng “thắng” trong rà soát hoàng hôn của doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài là không lớn (với nhiều lý do trong đó có việc DOC chỉ đưa ra kết luận dựa trên các suy đoán về hiện tượng mà không có chuẩn điều

tra chặt chẽ). Tuy nhiên, ITC lại tiến hành điều tra khá nghiêm túc với các chuẩn điều tra tương tự như điều tra gốc. Thống kê cho thấy, tỷ lệ bị đơn “thắng” trong điều tra của ITC trong các vụ kiện gốc là 10-20%.

2. Thực trạng áp dụng chống bán phá giá của Mỹ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

2.1. Các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ giai đoạn 2002 – 2016

Trong giai đoạn 2002-2016, Mỹ có 12 lần khởi kiện các doanh nghiệp Việt Nam về hành vi BPG hàng hóa vào thị trường này. Vụ kiện đầu tiên là với mặt hàng cá da trơn vào năm 2002, vụ kiện gần đây nhất là với mặt hàng ống thép hàn cacbon vào năm 2016 (vụ kiện này đang trong quá trình điều tra).

BẢNG 1: Các vụ kiện chống bán phá giá của Mỹ với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam

| T T | Mặt hàng | Quá trình điều tra | | | | | | |
|--------|----------------------------|---------------------|--|--------------|---------------|---|-----------------------------------|-----------|
| | | Thời gian khởi kiện | Biện pháp tạm thời | | | Biện pháp cuối cùng | | |
| | | | Ngày | Biên độ (%) | Thời gian | Ngày | Biên độ (%) | Thời gian |
| 1 | Cá da trơn | 24-7-2002 | 31-1-2003 | | | 23-6-2003 | 36,84-63,88 | 5 năm |
| 2 | Tôm nước ấm đông lạnh | 31-12-2003 | 26-7-2004 | 12,11-93,13 | | 8-12-2004 | 4,13-25,76 | 5 năm |
| 3 | Lò xo không bọc | 25-1-2008 | 6-4-2008 | 116,31 | | 22-12-2008 | 116,31 | 5 năm |
| 4 | Túi nhựa PE | 31-3-2009 | 28-10-2009 | 52,30-76,11 | | 4-5-2010 | 52,30-76,11 | 5 năm |
| 5 | Mắc treo quần áo bằng thép | 5-5-2010 | (Điều tra chống lẩn tránh thuế) | | | | | |
| 6 | Ống thép cacbon | 15-11-2011 | 1-6-2012 | 0-27,96 | | Kiện đúp CBPG và chống trợ cấp, ngày 15-11-2012: kết quả điều tra ITC không có thiệt hại, không áp dụng biện pháp thuế chống trợ cấp và CBPG. | | |
| 7 | Mắc áo thép | 18-1-2012 | 2-8-2012 | 135,81-87,51 | | 24-12-2012 | 157-220,68 | 5 năm |
| 8 | Tuabin điện gió | 18-1-2012 | 2-8-2012 | 52,67-59,91 | | 24-12-2012 | 51,50-58,49 | 5 năm |
| 9 | Ống thép không gỉ chịu lực | 6-6-2013 | 31-12-2013 | 53,92 | | 21-7-2014 | 16,25 | 5 năm |
| 10 | Ống thép dẫn dầu | 23-7-2013 | 18-2-2014 | 9,57-111,47 | đến 28-8-2014 | 10-9-2014 | 25,18-111,47 | 5 năm |
| 11 | Đinh thép | 19-6-2014 | | | | 13-7-2015 | AD: 288,56-313,97; CVD: 323,99 | 5 năm |
| 12 | Ống thép hàn cacbon | 18-11-2015 | Việt Nam bị cáo buộc mức phá giá 113,18%. Dự kiến DOC công bố kết quả điều tra sơ bộ và cuối cùng vào các ngày 5-4-2016 và 20-6-2016 | | | | | |

Nguồn: Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam - VCCI.

(1) Vụ kiện CBPG cá da trơn năm 2002:

Thời gian khởi kiện là ngày 24-07-2002, nguyên đơn là Hiệp hội các nhà nuôi cá nheo Mỹ (CFA).

Năm 2008, Mỹ đã rà soát cuối kỳ thuế CBPG đối với cá tra - basa của Việt Nam và quyết định áp thuế thêm 5 năm nữa. Năm 2014, sau đợt rà soát cuối kỳ lần hai, Mỹ tiếp tục gia hạn lệnh áp thuế chống bán phá giá này với sản phẩm cá tra - basa nhập khẩu từ Việt Nam. Ngày 14-09-2015, DOC đưa ra phán quyết sơ bộ mức thuế chống bán phá giá lần thứ 11 (POR11) đối với cá tra fillet đông lạnh Việt Nam vào Mỹ.

(2) Vụ kiện CBPG tôm nước ấm đông lạnh năm 2003:

Thời gian khởi kiện là ngày 31-12-2003, nguyên đơn là Liên minh Tôm miền Nam nước Mỹ (SSA). Ngoài Việt Nam còn có Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Braxin và Ecuador cũng bị kiện với mặt hàng này.

Ngày 7-09-2015, DOC công bố kết quả cuối cùng rà soát hành chính lần thứ 9 (POR9) thuế chống bán phá giá tôm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam giai đoạn từ ngày 1-02-2013 đến ngày 31-01-2014. Theo đó, mức thuế trung bình 0,91%, giảm so với kết quả sơ bộ 0,93% công bố tháng 3-2015 và giảm mạnh so mức thuế 6,37% của kỳ xem xét POR8.

(3) Vụ kiện CBPG lò xo không bọc năm 2008:

Thời điểm khởi kiện là ngày 25-01-2008, nguyên đơn là Công ty Leggett & Platt (MO), một nhà sản xuất đệm lò xo Mỹ. Ngoài Việt Nam còn có 2 nước khác bị kiện là Trung Quốc và Nam Phi.

Ngày 22-12-2008, DOC quyết định mức thuế suất CBPG cuối cùng với mặt hàng lò xo không bọc của Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ là 116,31%, thời hạn 5 năm. Mức thuế áp dụng rất cao do đây là mức thuế sử dụng thông tin sẵn có bất lợi, trong vụ kiện này không có doanh nghiệp Việt Nam nào tham gia vào việc trả lời bản câu hỏi điều tra của DOC.

(4) Vụ kiện CBPG túi nhựa PE năm 2009:

Thời gian khởi kiện là ngày 31-03-2009, nguyên đơn là Công ty Hilex Poly Co. LLC và Superbag Corporation của Mỹ. Đây là vụ kiện kép cả CBPG và chống trợ cấp (CVD). Ngoài Việt Nam còn có một số đối tác thương mại của Mỹ như Đài Loan và Indônêxia cũng bị kiện.

Ngày 8-05-2015, sau khi thực hiện rà soát cuối kỳ, DOC ra kết luận cuối cùng tiếp tục áp thuế chống trợ cấp với mặt hàng này của Việt Nam.

(5) Vụ điều tra CBPG mắc treo quần áo bằng thép năm 2010:

Thời gian khởi kiện ngày 5-05-2010, nguyên đơn là Công ty M&B Metal Products.

Đây là vụ điều tra chống giả mạo xuất xứ hàng hóa để lẩn tránh thuế. Theo cáo buộc nêu trong đơn kiện, sản phẩm mắc treo quần áo bằng thép được sản xuất tại Trung Quốc, sau đó gia công với tỷ lệ không đáng kể tại Việt Nam để xuất khẩu vào thị trường Mỹ, với mục đích lẩn tránh thuế chống bán phá giá mà Mỹ đã áp đặt đối với sản phẩm này của Trung Quốc từ tháng 10-2008 với mức 15,83 - 187,25%.

(6) Vụ kiện CBPG ống thép cacbon năm 2011:

Thời gian khởi kiện là ngày 15-11-2011, nguyên đơn là 4 công ty sản xuất ống thép cacbon Mỹ. Đây là vụ kiện kép gồm CBPG và chống trợ cấp, ngoài Việt Nam còn có 3 nước khác bị kiện là Ấn Độ, Oman và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập.

Ngày 15-11-2012, ITC đưa ra kết luận cuối cùng là không có thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa của Mỹ, theo đó, cuộc điều tra CBPG với mặt hàng này của Việt Nam cũng chấm dứt.

(7) Vụ kiện CBPG mắc áo thép năm 2012:

Thời gian khởi kiện là ngày 18-01-2012, nguyên đơn là Công ty M&B Metal Products (Leeds, AL), Công ty Innovative Fabrication/Indy Hanger (Indianapolis, IN) và Công ty Mắc áo Mỹ (Gardena, CA).

Ngày 24-12-2012, DOC quyết định mức thuế suất CBPG cuối cùng với mặt hàng này của Việt Nam là 157 - 220,68%, thời hạn 5 năm.

(8) Vụ kiện CBPG tuabin điện gió năm 2012:

Thời gian khởi kiện là ngày 18-01-2012, nguyên đơn là Liên minh Thương mại tuabin điện gió Mỹ. Ngoài Việt Nam còn có Trung Quốc cũng bị điều tra CBPG và chống trợ cấp với mặt hàng này.

Ngày 24-12-2012, DOC quyết định mức thuế suất CBPG cuối cùng với mặt hàng này của Việt Nam là 51,50 - 58,49%, thời hạn 5 năm. Tháng 09/2015, DOC đưa ra kết luận cuối cùng đợt rà soát hành chính thuế CBPG lần thứ nhất (POR1) đối với tháp điện gió của Việt Nam Theo đó bị đơn bắt buộc duy nhất trong vụ việc này là Công ty CS Wind Vietnam không BPG vào thị trường Mỹ. Tuy nhiên, mức thuế suất toàn quốc áp dụng cho sản phẩm tháp điện gió của doanh nghiệp khác từ Việt Nam xuất sang Mỹ vẫn giữ nguyên mức 58,54%, vì Mỹ vẫn coi Việt Nam là nước có nền kinh tế phi thị trường, nên mức thuế suất toàn quốc vẫn ở mức cao.

(9) Vụ kiện CBPG ống thép không gỉ chịu lực năm 2013:

Thời gian khởi kiện là ngày 6-6-2013, nguyên đơn là các nhà sản xuất thép nội địa Mỹ. Ngoài Việt Nam, các nước Thái Lan và Malaixia cũng bị kiện.

Ngày 21-07-2014, DOC quyết định áp thuế CBPG cuối cùng với mặt hàng này của Việt Nam với mức thuế suất 16,25%, thời hạn 5 năm.

(10) Vụ kiện CBPG ống thép dẫn dầu năm 2013:

Thời gian khởi kiện là ngày 23/07.2013, nguyên đơn là một số doanh nghiệp thép nội địa Mỹ. Ngoài Việt Nam còn có một số đối tác thương mại của Mỹ như Hàn Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Philippin, Ả-Rập Saudi, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina và Đài Loan cũng bị điều tra.

Ngày 10-09-2014, DOC quyết định mức thuế suất CBPG cuối cùng với mặt hàng xuất khẩu này của Việt Nam là 25,18 - 111,47%, thời hạn 5 năm.

(11) Vụ kiện CBPG đinh thép năm 2014:

Thời gian khởi kiện là ngày 19-06-2014, nguyên đơn là Công ty Mid Continent Steel & Wire, Inc., một nhà sản xuất sản phẩm đinh thép của Mỹ. Đây là vụ điều tra kép cả CBPG và chống trợ cấp. Ngoài Việt Nam còn có một số đối tác thương mại của Mỹ như Ấn Độ, Hàn Quốc, Ô-man, Malaixia, Đài Loan và Thổ Nhĩ Kỳ cũng bị kiện. Ngày 13-07-2015, DOC quyết định áp mức thuế suất CBPG cuối cùng với mặt hàng này của Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ là 288,56 - 313,97%, thời hạn 5 năm. Ngoài ra, mặt hàng này còn phải chịu thuế chống trợ cấp ở mức 323,99%.

(12) Vụ kiện CBPG ống thép hàn cacbon năm 2015:

Ngày 18-11-2015, DOC công bố quyết định khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm ống thép hàn cacbon nhập khẩu từ Oman, Pakixtan, Philippin, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất và Việt Nam (riêng với Pakixtan bị điều tra đồng thời chống trợ cấp). Nguyên đơn của vụ kiện là một số nhà sản xuất nội địa Mỹ, gồm: Bull Moose Tube Company (Chesterfield, MO), EXLTUBE (N. Kansas City, MO), Wheatland Tube (Chicago, IL), and Western Tube & Conduit (Long Beach, CA).

Biên độ phá giá bị cáo buộc của Việt Nam là 113,18%. Dự kiến, kết quả điều tra sơ bộ của DOC được công bố vào ngày 5-04-2016 và kết quả điều tra cuối cùng vào ngày 20-6-2016.

2.2. Đánh giá những ảnh hưởng của chính sách chống bán phá giá của Mỹ với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ

- Ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam vào Mỹ.

Với nhóm hàng thủy sản: việc Mỹ áp thuế CBPG với mặt hàng cá da trơn và tôm nước ấm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam khiến kim ngạch xuất khẩu những mặt hàng này của Việt Nam vào Mỹ suy giảm đáng kể, nhất là trong những năm đầu tiên bị áp thuế CBPG đối với sản phẩm cá tra và basa, kể từ tháng 3-2016, khi Bộ Nông nghiệp nước này vừa đưa ra một số quy định mới áp dụng với những công ty xuất khẩu cá ba sa vào thị trường Mỹ. Đó là việc Mỹ lập cơ chế giám sát đối với các loài cá thuộc họ Siluriformes, trong đó có cá tra, basa của Việt Nam. Giới chuyên gia đánh giá, đây chính là một cách mà Mỹ nhắm vào sản phẩm cá tra, cá ba sa xuất khẩu của Việt Nam nhằm bảo hộ sản xuất nội địa.

Đối với mặt hàng tôm, cho đến nay Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 24% tổng giá trị xuất khẩu tôm ra thế giới. Trong thời gian qua các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn được hưởng lợi từ mức thuế chống bán phá giá của đợt rà soát lần thứ 9 - POR9 với mức thuế trung bình 0,91% (giảm mạnh so với mức thuế 6,37% của POR8). Xuất khẩu tôm sang Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2016 đã đạt hơn 364 triệu USD, tăng trên 16% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, đà tăng trưởng này rất khó có thể duy trì trước các rào cản mà cụ thể là việc tăng thuế chống bán phá lần này của DOC với tất cả các lô hàng tôm đông lạnh nhập khẩu vào Mỹ từ ngày 1-2-2014 đến 31-1-2015 sẽ phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 4,78%, trong khi mức thuế lần gần nhất là 0,91%.

Với nhóm hàng các sản phẩm từ sắt thép: Mỹ kiện Việt Nam BPG các mặt hàng mắc áo thép, ống thép không gỉ chịu lực, tuabin điện gió, ống thép dẫn dầu và đỉnh thép. Kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng này so với tổng kim ngạch của nhóm hàng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó không ảnh hưởng quá lớn đến kim ngạch xuất khẩu của cả nhóm hàng.

+ Mắc áo thép, theo số liệu thống kê của Mỹ, nước này nhập khẩu sản phẩm mắc áo từ Việt Nam với trị giá lần lượt là khoảng 19,5 triệu USD, 29 triệu USD và 32 triệu USD trong giai đoạn từ 2009-2011.

+ Tuabin điện gió: kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vào Mỹ năm 2010 là 52 triệu USD, năm 2011 là 79 triệu USD.

+ Ống thép không gỉ chịu lực: từ năm 2010 đến năm 2013, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm ống thép không gỉ chịu lực từ Việt Nam sang Mỹ thuộc các mặt hàng điều tra có giá trị lần lượt là 13 triệu, 17 triệu, 18 triệu và 10,3 triệu USD.

+ Ống thép dẫn dầu: theo số liệu của hải quan Mỹ thì trong năm 2012, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đạt mức khoảng 189 triệu USD với tổng khối lượng 199 ngàn tấn.

+ Đỉnh thép: theo số liệu của hải quan Mỹ, trong năm 2013, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng đỉnh thép bị điều tra từ Việt Nam đạt mức khoảng 34,7 triệu USD với tổng khối lượng 39.000 tấn.

Như vậy, việc Mỹ áp thuế CBPG hầu hết đều có tác động tiêu cực, làm giảm kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng bị áp thuế, thậm chí có mặt hàng ngừng hoàn toàn việc xuất khẩu vào thị trường này.

- Thời gian áp thuế kéo dài và mức thuế liên tục thay đổi qua các đợt rà soát hành chính hàng năm

Theo luật pháp về CBPG của Mỹ, hàng nhập khẩu nước ngoài bị áp thuế CBPG sẽ trải qua các đợt rà soát hành chính hàng năm (POR) để xác định mức thuế phải nộp và rà soát hàng năm theo chu kỳ 5 năm để quyết định có tiếp tục gia hạn thời gian áp thuế CBPG hay không. Tuy nhiên, chưa có sản phẩm nào của Việt Nam đã bị áp thuế CBPG mà thoát khỏi thuế đó trong các đợt rà soát hàng năm của Mỹ.

Với mặt hàng cá da trơn của Việt Nam: đã trải qua 11 lần rà soát hành chính và 2

lần rà soát cuối kỳ kể từ khi bị áp thuế năm 2003; năm 2008, Mỹ đã rà soát cuối kỳ thuế CBPG đối với cá da trơn Việt Nam và quyết định áp thuế thêm 5 năm nữa. Trong đợt rà soát cuối kỳ năm 2014, Mỹ lại tiếp

tục gia hạn lệnh áp thuế CBPG này với cá da trơn Việt Nam. Còn trong các đợt rà soát hành chính hàng năm, mức thuế suất DOC áp dụng với mặt hàng này của Việt Nam cụ thể như sau:

BẢNG 2: Mức thuế CBPG của Mỹ đối với mặt hàng cá da trơn Việt Nam qua các đợt rà soát hành chính

| Đợt rà soát và ngày công bố | Áp dụng với hàng xuất khẩu trong khoảng thời gian | Đơn vị tính | Mức thuế | | |
|---|---|-------------|-----------------|------------------|-----------|
| | | | Bị đơn bắt buộc | Bị đơn tự nguyện | Toàn quốc |
| POR 1 (21/03/2006) | 1-1-2003 - 31-7-2004 | % | 6,81 - 80,88 | N/A | 63,88 |
| POR 2 (1-05-2007) | 1-8-2004 - 31-7-2005 | % | 15,1 - 80,88 | N/A | 63,88 |
| POR 3 (15-08-2008) | 1-8-2005 - 31-7-2006 | % | 0 | 0 - 80,88 | 63,88 |
| POR 4 (17-03-2009) | 1-8-2006 - 31-7-2007 | % | 0 - 0,52 | 0,52 | 63,88 |
| POR 5 (10-03-2010) | 1-8-2007 - 31-7-2008 | USD/kg | 0 | 0,02 | 2,11 |
| POR 6 (22-03-2011) | 1-8-2008 - 31-7-2009 | USD/kg | 0 | 0,02 | 2,11 |
| POR 7 (14-03-2012) | 1-8-2009 - 31-7-2010 | USD/kg | 0 - 0,03 | 0,03 | 2,11 |
| POR 8 (20-05-2013) | 1-8-2010 - 31-7-2011 | USD/kg | 0,19 - 2,39 | 1,29 | 2,11 |
| POR 9 (07-04-2014) | 1-8-2011 - 31-7-2012 | USD/kg | 0,03 - 1,20 | 0,42 | 2,11 |
| POR 10 (16-01-2015) | 1-8-2012 - 31-7-2013 | USD/kg | 0,97 | 0,97 | 2,39 |
| POR 11 (ODC kết luận sơ bộ ngày 14-09-2015) | 1-8-2013 - 31-7-2014 | USD/kg | 0,36 - 0,84 | 0,6 | 2,39 |

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Đáng chú ý là trong suốt những lần rà soát hành chính, phía nguyên đơn CFA đã nhiều lần yêu cầu DOC thay đổi nước thay thế. Cụ thể, trong lần POR 6, DOC chọn Philippin thay thế cho Bangladesh trong tính thuế CBPG. Trong khi đó, so với Bangladesh, giá nguyên liệu nuôi cá của Philippin cao hơn 2,5 lần, chi phí nhân công tăng 2 lần, chi phí quản lý cao hơn 40% cộng thêm một quy trình nuôi trồng, chế biến chưa đồng bộ đã đưa giá thành cá tra tại nước này luôn ở mức cao. Trong lần POR 7, DOC lại chọn 2 nước thay thế là Bangladesh và Indônêxia. Trong lần POR8, trái với các lần trước, quyết định sơ bộ của DOC chọn Bangladesh là nước thay thế tính thuế CBPG. Do vậy mức thuế các

doanh nghiệp phải chịu rất thấp và hầu như không đổi so với POR 7. Tuy nhiên, trong quyết định cuối cùng, DOC đã chọn Indônêxia thay cho Bangladesh.

Như vậy, việc áp thuế CBPG của Mỹ với mặt hàng cá da trơn Việt Nam tiếp tục kéo dài, ít nhất là đến đợt rà soát hàng năm lần 3 vào năm 2020. Ngoài ra, với việc liên tục thay đổi mức thuế suất qua các đợt rà soát hành chính hàng năm cũng khiến doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam gặp khó khăn trong hoạch định kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Với mặt hàng tôm, từ khi bắt đầu bị áp thuế CBPG đến nay, Mỹ đã tiến hành 9 đợt rà soát hành chính hàng năm, cụ thể:

BẢNG 3: Mức thuế CBPG của Mỹ đối với mặt hàng tôm của Việt Nam qua các đợt rà soát hành chính

| Đợt rà soát và ngày công bố | Áp dụng với hàng xuất khẩu trong khoảng thời gian | Mức thuế (%) | | |
|-----------------------------|---|--|------------------|-----------|
| | | Bị đơn bắt buộc | Bị đơn tự nguyện | Toàn quốc |
| POR 1 | 16-7-2004 - 31-01-2006 | Các doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động thỏa thuận không yêu cầu rà soát lại thuế mà vẫn áp dụng mức thuế CBPG ban đầu | | |
| POR 2 (9-9-2008) | 1-2-2006 - 31-1-2007 | 0 - 0,1 | 4,57 | 25,76 |
| POR 3 (8-9-2009) | 1-2-2007 - 31-1-2008 | 0,08 - 0,21 | 4,57 | 25,76 |
| POR 4 (29-9-2010) | 1-2-2008 - 31-1-2009 | 2,95 - 4,89 | 3,92 | 25,76 |
| POR 5 (31-8-2011) | 1-2-2009 - 31-1-2010 | 0 - 1,15 | 1,04 | 25,76 |
| POR 6 (4-9-2012) | 1-2-2010 - 31-1-2011 | 1,23 - 1,27 | 1,25 | 25,76 |
| POR 7 (10-9-2013) | 1-2-2011 - 31-1-2012 | 0 | 0 | 25,76 |
| POR 8 (25-3-2014) | 1-2-2012 - 31-1-2013 | 4,98 - 9,75 | 6,37 | 25,76 |
| POR 9 (7-9-2015) | 1-2-2013 - 31-1-2014 | 0 - 1,39 | 0,91 | 25,4 |

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Trong đợt POR 1, các doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động thỏa thuận không yêu cầu rà soát lại thuế mà vẫn áp dụng mức thuế của kết quả CBPG lần đầu, thay vào đó sẽ trả phía Mỹ một khoản tiền để có thời gian chuẩn bị cho rà soát lần hai. Trong POR 2 và POR 3, có khoảng 30 doanh nghiệp xuất khẩu tôm của Việt Nam đã đăng ký tham gia rà soát. Tuy nhiên, DOC chỉ chọn 2 doanh nghiệp (Công ty Minh Phú và Camimex) trong POR 2 và 3 doanh nghiệp (Minh Phú, Camimex và Phương Nam) trong POR 3 là bị đơn bắt buộc dựa trên tiêu chí là doanh nghiệp có lượng xuất khẩu lớn nhất. Trong các lần POR từ 4 - 7, mức thuế đã nhiều lần thay đổi theo hướng có lợi hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam. Tuy nhiên, trong đợt POR 8, DOC nâng thuế CBPG đối với mặt hàng tôm Việt Nam lên rất cao, khiến sức cạnh tranh của mặt hàng này giảm mạnh. Điều này khiến kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam vào bắt đầu suy giảm (trong 8 tháng đầu năm 2015 giảm 50% so với cùng kỳ năm trước). Đến POR 9 mức thuế đã giảm mạnh so với POR 8.

Với các mặt hàng khác đã bị Mỹ áp thuế CBPG cũng gặp tình trạng tương tự là chưa thoát khỏi việc bị áp thuế CBPG qua các đợt rà soát hàng năm chu kỳ 5 năm. Như vậy, có thể nói, thời gian áp thuế CBPG của Mỹ với các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam đã bị kiện là rất dài. Ngoài ra, các đợt rà soát hành chính hàng năm của Mỹ với mức thuế đưa ra rất thất thường, khiến các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong chủ động lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

3. Kết luận và đề xuất giải pháp

Có thể nói, quan điểm CBPG của Mỹ là theo xu hướng bảo hộ triệt để, hạn chế cạnh tranh của các nhà xuất khẩu nước ngoài trên thị trường Mỹ nhằm bảo vệ các nhà sản xuất trong nước. Vì vậy, pháp luật CBPG và các cơ quan thực thi của Mỹ được tổ chức khá chặt chẽ, thậm chí có nhiều quy định, thông lệ có tính chất thiên vị với nhà sản xuất trong nước, gây bất lợi cho nhà xuất khẩu nước ngoài, tuy vẫn tuân thủ các nguyên tắc bắt buộc về nội dung và thủ tục quy định tại Hiệp định về Chống bán phá giá của WTO.

Mỹ là một thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam và còn rất nhiều tiềm năng khai thác. Từ năm 2002 đến nay, Mỹ đã 12 lần khởi kiện doanh nghiệp Việt Nam BPG vào thị trường Mỹ, tỷ lệ thua kiện của các doanh nghiệp Việt Nam là rất cao và thuế CBPG đã và đang gây nhiều thiệt hại với hoạt động xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Để đối phó với chính sách CBPG khi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Mỹ, cần thực hiện các giải pháp:

- Tích cực đẩy mạnh quá trình chuyển đổi nền kinh tế để sớm được công nhận là nền kinh tế thị trường; tiến hành các hoạt động phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và công chúng về các vấn đề CBPG; phát triển một cơ chế cảnh báo sớm.

- Quy định hành vi bảo vệ lẫn nhau, phối hợp giá cả trên thị trường, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh có thể tạo ra có gây ra các vụ kiện của nước ngoài; phát huy vai trò là tổ chức tập hợp và tăng cường sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong ngành nhằm nâng cao năng lực kháng kiện của các doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp cần xây dựng thương hiệu mạnh, đa dạng hoá thị trường và sản phẩm; xây dựng hệ thống chứng từ sổ sách và hạch toán kế toán theo chuẩn mực quốc tế; xây dựng chiến lược về giá xuất khẩu và giá trị thông thường của sản phẩm xuất khẩu; nâng cao kiến thức về luật CBPG của WTO cũng như luật CBPG của Mỹ; một số nguyên tắc hành động nên tuân thủ khi đối mặt với một vụ kiện CBPG tại Mỹ/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bruce A. Blonigen and Thomas J. Prusa (2001), *Antidumping*, [pdf] Available at: <http://www.nber.org/papers/w8398.pdf> Accessed 29 August 2016.
2. Bruce A. Blonigen và Thomas J. Prusa (2015), *Dumping and Antidumping Duties*, NBER Working Paper 21573, <http://www.nber.org/papers/w21573>.
3. Hsiang-Hsi Liu, Teng-Kun Wang (2014), *Antidumping, Exchange Rate and Strategic Price Competition by Staged Game*, *Theoretical Economics Letters*, 4: 197-209.
4. International Trade Centre, Revised Edition (2010), *Business Guide to Trade Remedies in the United States - Anti-dumping, Countervailing and Safeguards legislation, Practices and Procedures*.
5. Jozef Konings and Hylke Vandenbussche (2005), *Antidumping protection and markups of domestic firms*, *Journal of International Economics*, 65: 151-165.
6. Bộ Nông nghiệp Mỹ. <http://www.fas.usda.gov/regions/vietnam>. Ngày truy cập: 29-8-2016.
7. Bộ Thương mại Mỹ. <https://www.commerce.gov/economicindicators>. Ngày truy cập: 29-8-2016.
8. Công ty CS Wind Việt Nam. http://www.cswindcorp.com/eng/business/03_track.asp?IMenu=3. Ngày truy cập: 29-8-2016.
9. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đông Nam Á. <http://www.hangermetal.com/qhcd/default.aspx?id=1&tt=B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20t%C3%A0i%20ch%C3%ADnh>. Ngày truy cập: 29-8-2016.
10. Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà. <http://www.sonha.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh-78.aspx>. Ngày truy cập: 29-8-2016.
11. Knetter, Michael M., and Thomas J. Prusa (2003), *Macroeconomic factors and antidumping filings: Evidence from four countries*, *Journal of International Economics*, 61:1-17
12. Tổng cục Hải quan Việt Nam. <http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/SoLiEuThongKe.aspx?Group=S%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20th%E1%BB%91ng%20k%C3%AA>. Ngày truy cập: 29-8-2016.